

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Thời gian: Đợt 2 (tháng 3/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Như Trác	Trời nắng nhẹ, gió NĐN 11 km/h, độ ẩm 85%, t° = 22°C. Cổng mở, đang lấy nước vào hệ thống. Hai bên bờ sạch, không có rác.	Nước màu xanh lục.	8.2	18	6.91	0.1	0.715	0.297	212	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Công Hữu Bị	Trời âm u, gió Nam 11 km/h, độ ẩm 86%, t° = 22°C. Cổng vừa đóng, mở cổng từ 12 giờ đêm. Hai bên bờ	Nước màu xanh lục.	8.34	12.8	6.59	0.1	0.544	0.322	180	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
			sạch, không có rác, chân công có váng dầu.									Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng Cốc Thành	Trời nắng nhẹ, gió Nam 11 km/h, độ ẩm 79%, t° = 21°C. 3 cánh cổng ngoài sông đóng, 3 cánh bể hút mở. Dòng chảy trong bể hút rỉ ra ngoài, dòng chảy vừa, xáo trộn rối ở cửa cổng. Hai bên bờ sạch.	Nước màu xanh lục.	7.99	15.1	5.62	0.3	1.826	0.887	410	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng sông Chanh	Trời nắng nhẹ, gió NTN 5 km/h, độ ẩm 76%, t° = 22°C. Cổng đóng. Thượng lưu cổng dày đặc rác thải sinh hoạt (khoảng 5m).	Nước màu ghi xám.	7.45	10.4	3.1	0.4	0.591	0.722	560	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh.
5	5	Công Nhâm Tràng	Trời âm u, gió TTB 5 km/h, độ ẩm 89%, t° = 19°C. Cổng mở. Đang lấy nước vào bể hút, dòng chảy vừa. Trên kênh có ít bèo. Trạm bơm đang hoạt động.	Nước màu vàng đục.	7.77	38.7	1.8	0.3	1.989	1.647	487	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
6	6	Công Kinh Thanh	Trời âm u, gió Tây 5 km/h, độ ẩm 89%, t° = 19°C. Cổng đóng. Chân cổng có váng dầu.	Nước màu vàng lục.	7.61	10.5	4.95	0.4	0.730	1.332	568	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
7	7	Cống Cổ Đam	Trời âm u, gió Tây 5 km/h, độ ẩm 87%, t° = 20°C. Công đóng. Mực nước thượng lưu cao hơn mực nước hạ lưu. Chân cống tại thượng lưu và hạ lưu có nhiều váng bẩn.	Nước màu vàng lục.	7.75	13.2	2.9	0.4	0.287	1.384	598	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời mưa phùn, gió Tây 10 km/h, độ ẩm 79%, t° = 22°C. Công mở, đang tiêu nước ra sông, dòng chảy vừa. Có nhiều bèo trôi trên sông.	Nước màu vàng lục.	7.45	41.8	5.12	0.4	1.562	0.929	539	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
9	9	Đầu kênh T3	Trời nắng nhẹ, gió NĐN 11 km/h, độ ẩm 79%, t° = 21°C. Không có dòng chảy. Trên sông có nhiều bèo.	Nước màu xanh xám.	7.74	14.7	3.72	0.6	2.020	1.114	767	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Ngã 3 K.Biên Hòa – Kinh Thủy	Trời âm u, gió Tây 5 km/h, độ ẩm 86%, t° = 20°C. Dòng chảy chậm, nước đang chảy từ Kinh Thủy vào. Trên mặt sông và hai bên bờ có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.5	30.3	4.2	0.4	0.443	0.844	605	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
11	11	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Trời âm u, gió TB 5 km/h, độ ẩm 85%, t° = 20°C. Dòng chảy vừa. Trên sông có nhiều bèo trôi.	Nước màu vàng lục.	7.54	21.7	4.48	0.3	1.259	0.698	410	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời mưa phùn, gió Tây 10 km/h, độ ẩm 79%, t° = 22°C. Dòng chảy rất chậm. Dưới chân cầu có rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng lục.	7.68	23.8	4.56	0.2	1.064	0.576	398	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Đập An Bài (sông)	Trời nắng nhẹ, gió ĐĐN 5 km/h, độ ẩm 78%, t° =	Nước màu	7.66	27.3	4.2	0.2	0.241	0.765	301	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Châu Giang)	24°C. Cổng mở, dòng chảy vừa. Thượng lưu cổng nhiều bèo.	xanh lục.								tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Trời âm u, gió Tây 13 km/h, độ ẩm 93%, t° = 19°C. Cổng đóng. Ngoài sông có bèo.	Nước màu xanh đen.	7.8	10.1	1.12	0.4	0.800	1.226	489	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Ngã 3 K.Mỹ Đô – Kinh Thủy	Trời âm u, gió TN 5 km/h, độ ẩm 86%, t° = 20°C. Không có dòng chảy. Trên mặt kênh có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.46	20.3	4.82	0.3	0.078	0.734	536	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Ngã 3 sông Tiên Hương – S31	Trời âm u, gió TTB 5 km/h, độ ẩm 87%, t° = 21°C. Dòng chảy vừa. Hai bên kênh có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.51	40.1	4.4	0.3	0.715	0.776	463	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Đập La Chợ	Trời âm u, gió ĐN 11 km/h, độ ẩm 88%, t° = 22°C. Không có dòng chảy. Chân công có rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng đục.	7.77	31.5	5.2	0.3	2.486	0.682	393	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Đập Biên Hòa	Trời âm u, gió Tây 5 km/h, độ ẩm 84%, t° = 21°C. Cổng đóng. Thượng lưu và hạ lưu cổng có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.28	10.3	5.02	0.2	0.963	0.585	316	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	19	Đập Vùa (CG12)	Trời âm u, gió Nam 11 km/h, độ ẩm 86%, t° = 22°C. Đập đóng. Chân đập có nhiều váng bọt và rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng lục.	7.57	21	2.9	0.3	0.427	0.621	468	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nắng nhẹ, gió Nam 10 km/h, độ ẩm 73%, t° = 24°C. Dòng chảy rất chậm. Chân cầu và hai bên sông có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.78	20.4	5.2	0.2	1.647	0.425	278	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
21	21	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời mưa phùn, gió Tây 5 km/h, độ ẩm 87%, t° = 20°C. Dòng chảy chậm. Trên mặt sông có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.52	17.8	4.4	0.4	0.117	1.037	584	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
22	22	Đầu kênh T5	Trời âm u, gió TB 10 km/h, độ ẩm 84%, t° = 21°C. Không có dòng chảy. Hai bên bờ sông có bèo.	Nước màu vàng đục.	7.61	110.6	3.5	0.3	1.399	0.655	406	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Đầu kênh C19	Trời nắng nhẹ, gió NĐN 11 km/h, độ ẩm 78%, t° = 22°C. Không có dòng chảy. Chân cầu nhiều bèo. Khu công nghiệp thường xả thải lúc 18h (nước thải màu đen).	Nước màu vàng lục.	7.9	23.1	4.6	1.9	1.321	4.725	2300	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
					6 – 8.5			6		0.3	2	
					6 – 8.5			5		0.3	5	
					5.5 – 9			4		0.9	10	
					5.5 – 9			2		0.9	15	
												thủy sinh.
24	24	Đầu kênh T6	Trời âm u, gió TTB 5 km/h, độ ẩm 88%, t° = 20°C. Không có dòng chảy. Trên mặt kênh nhiều bèo.	Nước màu vàng lục.	7.35	31.6	4.2	0.4	1.632	0.981	575	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.